

## NGUYỄN TRÃI 1380-1442

Nguyễn Trãi, hiệu là Úc-Trai, sinh năm 1380.

Ông thân sinh ra Nguyễn Trãi là Nguyễn Ứng Long. Khi còn hàn vi, nhà nghèo, Nguyễn Ứng Long đến dạy học cho con gái nhà quan Tư-đồ Trần Nguyên Đán. Ứng Long và con gái quan Tư-đồ là cô Trần Thị Thái yêu nhau. Cô Thái có mang, Ứng Long sợ quan bắt lỗi nên bỏ trốn. Quan Tư-đồ Trần Nguyên Đán cho gọi Ứng Long về, khuyến khích Ứng Long học hành và gả con gái cho.

Nguyễn Ứng Long cảm kích độ lượng của quan Tư-đồ, chăm chỉ dùi mài kinh sách, đỗ bảng-nhãn (đệ-nhất-giáp đệ-nhi-danh). Nhưng Thượng-hoàng Trần Nghệ-tông cho Ứng Long là con nhà thường dân mà lấy con gái họ tôn thất nên không cho ông ra làm quan.

Năm 1400, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, lên làm vua. Nguyễn Ứng Long đổi tên ra Nguyễn Phi Khanh, nhận chức Đại-lý tự-khanh thị-lang toà trung-thư, Hàn-lâm-viện học-sĩ kiêm lĩnh chức Tư-nghiệp Quốc-tử-giám.

Cũng năm 1400, nhà Hồ mở khoa thi đầu tiên. Nguyễn Trãi ra thi, đỗ Thái-học-sinh (tương đương Tiến-sĩ), được trao chức Ngự-sử-đài chánh-chường.

Năm 1407, lấy cớ họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, quân Minh sang đánh chiếm nước ta, bắt cha con Hồ Quý Ly và một số quan trong triều về Tàu, trong đó có Nguyễn Phi Khanh. Nguyễn Trãi với em là Nguyễn Phi Hùng theo cha đến tận Ai Nam-quan. Nguyễn Phi Khanh bảo Nguyễn Trãi rằng : “ Con nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha chứ đi theo khóc lóc mà làm gì ?” Nguyễn Phi Khanh bảo Nguyễn Trãi quay trở về, còn Phi Hùng đi theo cha để khi cha chết đem hài cốt cha về nước.

Năm 1418, Bình-định-vương Lê Lợi khởi nghĩa chống nhà Minh. Nguyễn Trãi tìm đến yết kiến, dâng *Bài sách Bình Ngô*. Vương xem thấy hay, thu dụng Nguyễn Trãi làm tham mưu và giao cho ông soạn thảo mọi từ-mệnh giao thiệp với các tướng nhà Minh.

*Bài sách Bình Ngô* nay không còn. Theo bài tựa của Ngô Thế Vinh trong *Úc-Trai Di-tập* (1825) thì *Bình Ngô sách* “hiển mưu chước lớn, không nói đến việc đánh thành mà lại khéo nói đến việc đánh vào lòng người.”

Qua các chiếu dụ và thư từ gửi các tướng Minh, Nguyễn Trãi đã chú trọng những điểm sau đây để đánh vào tâm lý kẻ địch và thu phục lòng dân.

- dẫn dụ các tướng Minh theo về nhân nghĩa để khỏi tổn hại dân quân hai nước  
“ *Phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ nhân nghĩa có đủ thì công việc mới xong xuôi. Nước người nhân dịp họ Hồ lỗi đạo, mượn tiếng chiêu dân phạt tội, kỳ thực làm việc bạo tàn, lấn cướp đất nước ta, bóc lột nhân dân ta, thuế nặng hình phiền, vợ vét của quý, dân mọn xóm làng không được sống yên. Nhân nghĩa mà lại thế ư ?*”

(Thư trả lời Phương Chính)

“ *Nếu ông lại theo lời bàn trước, lấy việc giải hòa làm quý, thì việc ông xử trí bên ngoài, ai dám bảo là không phải, mà người của Trung-Quốc cũng được khỏi khổ về đánh dẹp,*

*nhân dân nước tôi cũng may mà thoát mình khỏi chỗ nước sôi lửa bỏng. Có thể Nam Bắc từ đây không có việc gì, há chẳng hay lắm sao. Có gì hàng ngày lấy giáo mác cùng đánh nhau chuyên việc giết chết lẫn nhau. Nhẫn lòng làm cho con người ta phải bỏ cô cha, vợ người ta phải góa chồng, lòng của người nhân đức, có ai chịu làm như thế không.”*  
(Thư gửi cho Vương Thông)

- thuyết phục quan nhà Minh giữ điều tín, giữ lời hòa ước  
“*Tôi nghe nói: ‘Tín giả quốc chi bảo. Nhân nhi vô tín, hà kỳ dĩ hành chi tai?’* Điều tín là vật báu của nước. Người ta mà không có điều tín thì lấy cái gì mà làm việc? Mới đây được ngài gửi thư và sai người đến ước hòa, tôi đã nhất nhất nghe theo. Nay thấy ở trong thành vẫn còn đào hào cắm chông, dựng rào đắp lũy, phá đồ cổ để đúc ống phun lửa và đồ binh khí, thế là các ngài định đem quân về nước chẳng hay giữ bền thành trì chẳng?”  
(Thư gửi cho Vương Thông, Sơn Thọ)
- vạch rõ việc thời thế, tình hình quân sự  
“*Hiện nay khí trời ôn hoà, chính là lúc đem quân về rất tốt. Nếu ngài bỏ lỡ thời ấy không đi mà cứ chờ đợi, đến lúc nước xuân mới sinh, khí nóng bức dần, mà bảo là ung dung khái hoàn thì tôi e những quân sĩ đi lâu nhớ nhà, giữa đường ta oán, đến bấy giờ đâu muốn ung dung vị tất đã được ung dung.”*  
(Thư cho Vương Thông)
- cầu hòa với triều đình Trung Hoa: tìm con cháu nhà Trần, chịu triều cống  
“*Ngài cầm quân nhân nghĩa, khi tới cõi Giao-Chi đã biết lấy cái họa cùng binh độc vũ làm răn, xem bức thư ngài tâu xin lập họ Trần thì ân ý của ngài tôi không nở phụ.”*  
(Thư cho Vương Thông)
- khuyên nhủ tướng sĩ các thành đã theo hàng nhà Minh hãy nghĩ đến công nghiệp ông cha mà trung thành với nước, rửa nhục trước.  
“*Bọn các người nếu biết rửa lòng đổi dạ, bỏ nghịch theo thuận, hoặc ở làm nội ứng, hoặc ra để đầu hàng thì không những rửa mối hổ thẹn ngày trước mà cũng được phần soi xét về sau.”*  
(Thư dụ thổ-quan thành Điều-Điều)
- chiêu dụ hào kiệt, cầu người hiền tài  
“*... ta nhún mình tỏ lòng thành thực, khuyên các bậc hào kiệt đều nên cùng nhau gắng sức, cứu đỡ muôn dân, đừng có kín tiếng giấu tài, khiến thiên hạ phải làm than mãi mãi.”*  
(Chiếu khuyên dụ hào kiệt)

Sau mười năm Bình-định-vương kháng chiến, quân Minh thua, phải rút về nước. Bình-định-vương ủy cho Nguyễn Trãi viết bài *Bình Ngô Đại-Cáo*, bá cáo với toàn dân về việc bình xong quân Ngô (quân Tàu).

Năm 1435, ông dâng lên vua Lê Thái-tông bản *Địa-dư-chí*, khảo về địa dư nước Việt trước đời vua Lê Thái-tổ, kê rõ các vùng phủ, huyện, châu, xã trong nước với sông núi, sản vật.

Vua Thái-tông truyền cho ông Nguyễn Trãi và hoạn quan là Lương Đăng trông nom việc làm xe loan và thẩm định nhã nhạc. Nhân dịp này, ông Nguyễn Trãi tâu với vua Thái-tông như sau:

- “ *Thời loạn thì dùng võ, thời bình thì dùng văn. Ngày nay định ra lễ nhạc là phải thời lẫm. Song cây không có gốc thì không thể đứng vững, không có văn thì không thể lưu hành. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Thần vâng theo chiếu chỉ thẩm định nhã nhạc, không dám không hết lòng. Song học vấn sơ sài, nông cạn, sợ trong áng thanh luật khó làm cho được hài hoà. Dám mong Bệ Hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân khiến cho trong thôn cùng xóm vắng, không có một tiếng hờn giận oán sầu. Đó tức là giữ được cái gốc của nhạc.* ”

Năm 60 tuổi, ông về trí sĩ ở Côn-Son, thuộc huyện Chí-Linh, Hải-Dương. Năm 63 tuổi, vì án Thị Lộ, ông bị giết cùng với cả họ.

Đến đời vua Lê Thánh-tông, vua cho truy tặng những công-thần bị giết oan ngày trước. Vua xuống chiếu tầy oan cho Nguyễn Trãi, cho tìm con cháu ông. Người con duy nhất trốn thoát nạn tru di là Nguyễn Anh Vũ được phong làm tri huyện và được cấp cho một trăm mẫu ruộng để phụng thờ tổ tiên

Ức-Trai tiên sinh để lại cho đời sau:

- *Ức-Trai Thi-tập*, gồm hơn một trăm bài thơ ngũ-ngôn hoặc thất-ngôn, trong có bài *Côn-Son Ca* và bài *Chí-Linh-Son Phú*
- *Ức-Trai Văn-tập*, trong có bài *Bình Ngô Đại-Cáo*, *Lam-Son Vĩnh-lăng thần-đạo bi-ký* (bài ký trên bia vua Lê Thái-tổ), *Băng-Hồ di-sự-lục* (chép việc còn sót lại của Băng-Hồ Trần Nguyên Đán, ông ngoại của tác giả)
- *Ngọc-Đường Thi-tập*
- *Gia-huấn-ca*

- điều dân phạt tội : vì thương dân sống khổ mà đánh phạt kẻ có tội để cứu dân.
- cùng binh độc vũ : ưa dùng vũ lực đánh nhau không thôi.

## BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO

1427

Tượng mảng :

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân; quân điều-phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương-vực đã chia, phong-tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc-lập; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng-cứ một phương. Dầu cường nhược có lúc khác nhau, song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên :

Lưu Cung sợ uy mắt vía, Triệu Tiết nghe tiếng giạt mình. Cửa Hàm-tử giết tươi Toa-Đô, sông Bạch-đăng bắt sống Ô-mã. Xét xem cổ-tích, đã có minh-trung.

Vừa rồi :

Vì họ Hồ chính sự phiến-hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ ngược, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khé, ác chứa ngọt hai mươi năm. Bại nhân-nghĩa nát cả càn khôn, nặng khóa liêm vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mả, nào xuống bể mò châu; nào hổ bầy hươu đen, nào lưới dò chim chả. Tàn hại cả côn-trùng thảo mộc, neho nhóc thay ! quan quả điên liên. Kẻ há miệng, đũa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa. Nặng nề về những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội; dơ bẩn thay ! nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho; ai bảo thần-nhân nhịn được.

Ta đây :

Lam-sơn đầy nghĩa; chôn hoang-dã nương mình. Ngắm non sông căm nỗi thế thù; thề sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh; ngẫm trước đến nay, lẽ hung phé dẫn đo càng kỹ. Những trần-trọc trong cơn mộng-mị, chỉ bần-khoăn một nỗi đồ hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì :

Tuần kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu. Việc bôn tẩu thiêu kẻ đỡ đàn; nơi duy-ác hiểm người bàn bạc. Đồi phen vùng vẫy, vẫn dăm dăm con mắt đục đờng; mấy thuờ đợi chờ, luống đặng đặng cỗ xe hư tả. Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt mù như kẻ vọng dương; thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội vã như khi chứng nịch. Phần thì giận hung-đồ ngang-dọc, phần thì lo quốc bộ khó-khăn. Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần; khi Khôi-huyện quân không một lữ. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma, cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phát phối, ngóng vân

nghe bốn cõi đản hồ; mở tiệc quân, chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng-sĩ một lòng phụ tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi; quân giặc nhiều ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay :

Đem đại-nghĩa để thắng hung-tàn; lấy chí-nhân mà thay cường-bạo. Trận Bồ-đăng sấm vang sét dậy, miền Trà-lân trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan; Phương Chính, Lý An tìm đường trốn tránh. Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc; lấy Đông-đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông, bên Tụy-động xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp đã thiệt mạng; Lý Lương lại phơi thây. Vương Thông hết cấp lo lương; Mã Anh khôn đường cứu đỡ.

Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao; ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tướng nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui; ngờ đâu còn kiếm kiếm tìm phương, gây mầm tội nghiệt. Cây mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người; tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dờ duốc. Đến nỗi đũa trẻ ranh như Tuyên-đức, nhảm võ không thối; lại sai đồ nhút nhát như Thanh, Thăng, đem dầu chữa cháy.

Năm đinh-mùi tháng chín, Liễu Thăng tự Khâu-ôn tiến sang; lại năm nay tháng mười, Mộc Thạnh tự Vân-nam kéo đến. Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối Bắc-quân; ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt đường lương-đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lãng, hai mươi, Liễu Thăng chết ở Mã-yên. Hai mươi năm, Lương Minh trận vong, hai mươi tám, Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi dao ta đương sắc; ngọn giáo giặc phải lụi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành; hện đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ tốt ra oai tì-hổ, thần-thứ đủ mặt trảo nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kình ngạc; đánh hai trận tan-tác chim muông. Con gió to trút sạch lá khô; tổ kiến hồng sứt toang đê cũ. Thôi Tụ phải quì mà xin lỗi; Hoàng Phúc tự trối để ra hàng. Lạng-giang, Lạng-sơn thây chất đầy đồng; Xương-giang, Bình-than máu trôi đỏ nước. Ghê gớm thay ! sắc phong vân cũng đổi; thảm đạm thay ! sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân-nam nghẽn ở Lê-hoa, sợ mà mất mật; quân Mộc Thạnh tan chung Cẩn-trạm, chạy để thoát thân. Suối máu lãnh-câu, nước sông rền-rĩ; thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm đìa. Hai mặt cứu binh, cắm đầu trốn chạy; các thành cùng khẩu, cởi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội; thể lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho dăm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trông ngực; Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến tàu còn đổ bò-hôi. Nó đã sợ chết cầu hoà, ngỏ lòng thú phục; ta muốn toàn-quân là cốt, cả nước nghỉ-ngơi.

Thế mới là mưu kế thật khôn, vả lại suốt xưa nay chưa có. Giang-san từ đây mở mặt, xã-tác từ đây vững nền. Nhật nguyệt hối mà lại minh; kiên khôn bỉ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chẵn-chắn, thẹn nghìn thu rửa sạch lâu-làu. Thế là nhờ trời đất tổ-tông khôn thiêng che-chở, giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi !

Vẫy-vùng một mảng hung-y, nên công đại-định; phảng-lặng bốn bề thái-vũ, mở hội vĩnh-thanh.  
Bá cáo xa gần : ngỏ cùng nghe biết.

Bùi Kỳ dịch

*Quốc-văn cụ-thể*

(Tân Việt-Nam thư-xã Hà-nội)

Tài liệu:

*Việt-Nam Văn-học Sử-yếu*, Dương Quảng Hàm (Bộ Giáo-dục Trung-tâm Học-liệu xuất bản, 1968 – Sóng Mới tái bản, 1979)

\* \* \*

Tài liệu tham khảo :

*Việt-Nam Sử-Lược*, Trần Trọng Kim, 1921

*Việt-Nam Văn-học Sử-yếu*, Dương Quảng Hàm, 1941

*Sử Xanh Lưu Truyền*, Ngô Thị Quý Linh, Ý Linh xuất bản, 1991

*Lược-sử Triết-lý Giáo-dục Việt-Nam*, Ngô Thị Quý Linh, Ý Linh xuất bản, 1997